

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG NƠI KHỞI NGUỒN CHO GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC GẮN KẾT XÃ HỘI

Bùi Quang Thanh*

Tóm tắt: Khoa học về Thời đại Hùng Vương từ những năm 60-70 thế kỷ trước đã chỉ ra rằng, ngay từ những niên kỷ đầu tiên sau thời đại các vua Hùng, tín ngưỡng tri ân, tôn vinh các thế hệ tiền nhân được thể hiện qua những thực hành nghi lễ, lễ hội trong nhiều cộng đồng làng/xóm đã xác lập và tô đậm thành thói quen những hoạt động đời thường, theo những chuẩn mực văn hóa - xã hội được cộng đồng chấp thuận, duy trì, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nhìn trong phạm vi gia đình và dòng họ huyết thống, đó là những chuẩn mực quan hệ ngày một bền chặt theo chế độ phụ hệ cùng sự liên minh mang tính huyết thống. Tiếp cận từ góc độ văn hóa, có thể nhận thấy sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng cũng như các nhân vật huyền thoại của thời đại này, tại từng gia đình, từng dòng họ, chung quy vẫn là những biểu tượng mang tính khái quát cho chuẩn mực đạo đức - luân lý, và cao hơn cả là đạo lý, trở thành nếp sinh hoạt truyền thống được tuân thủ và thực thi trong mọi hình thức tế lễ cùng sinh hoạt thường nhật, mang bản sắc dân tộc trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

Từ khóa: Tín ngưỡng, các vua Hùng, cộng đồng, đạo lý, giá trị.

Truyền thuyết dân gian đất Phong Châu đã từ nhiều nghìn năm qua vẫn liên mạch lưu truyền về sự hiện tồn của 18 đời vua Hùng, trong đó, vị vua Hùng đầu tiên đã có công dựng ra nhà nước Văn Lang đầu tiên trong lịch sử hình thành của cộng đồng Việt Mường - và sau đó là của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam (1). Nếu như trên vùng đất Phong Châu cổ xưa, núi thiêng Nghĩa Lĩnh trở thành biểu tượng trung tâm khởi nguồn và quy tụ sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng (giống như nơi hiện tồn của Tông Miếu bên Hàn Quốc hay đền Kashihara linh thiêng của người Nhật Bản), thì với người Việt - Mường xưa, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, mà đỉnh cao là biểu tượng tín ngưỡng thờ các vua Hùng, lại lan tỏa từ trung tâm Kinh đô Văn Lang để đến với mọi gia đình tại khắp các làng bản. Dường như, không nơi đâu như vùng đất

Văn Lang này, người dân đã “bình dân hóa” hình tượng các đức vua, đón vong linh các đức vua (bài vị) về phối thờ trên cùng ban thờ tổ tiên của dòng họ mình, gia đình mình, tạo ra sự gắn gũi thường nhật, can dự vào mọi hành vi, hoạt động của con người trên bước đường làm ăn, đấu tranh sinh tồn qua hàng nghìn năm lịch sử. Chính từ không gian văn hóa liên thông này, trong tâm thức bao đời, ý thức dân tộc và ý thức lịch sử, sự quý trọng vĩ nhân và ước nguyện cộng đồng, trong tư duy văn hóa người dân qua hàng nghìn năm, luôn luôn hòa quyện, phối nhập một cách hồn nhiên, hình thành nên một lễ sống, một đạo lý tri ân, mang tính truyền thống đối với các bậc tiền nhân của cộng đồng dân tộc, bất chấp mọi thăng trầm của lịch sử và thời gian xô đẩy. Cũng bởi vậy, dõi theo suốt dọc dài lịch sử, với người Việt Nam, một cá nhân, dù công lao có lớn lao đến mấy, muốn tồn tại trong tâm thức dân gian, tất phải hóa thân vào cộng đồng, lấy cộng đồng làm gốc để tạo đà sinh ra các

* GS.TS. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

giá trị văn hóa, giá trị đạo đức mang tính chuẩn mực, được đời đời vinh danh.

Đối chiếu từ thực tế, nếu như ở khá nhiều quốc gia trên thế giới, vị trí linh thiêng dành cho các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, phụng thờ nhân vật khai sáng cho dân tộc thường chỉ dồn tụ tại một địa điểm/không gian nào đó, nhiều khi/chủ yếu do giai cấp thống trị (triều đình/nhà nước) quy định và can dự, thì với người Việt Nam, tại hầu khắp các làng bản, người dân đều có quyền can dự vào những “địa chỉ” linh thiêng của cộng đồng mình (miếu, đình, đền, chùa, nghề, am), nơi quy tụ, chế ngự và điều chỉnh tâm lý cộng đồng, thể hiện các hành vi thực hành nghi lễ ở tất cả các di tích tín ngưỡng được cộng đồng lựa chọn, đồng thuận, tuân thủ qua các đời. Đồng thời, cũng từ những địa chỉ tín ngưỡng linh thiêng này, cộng đồng thường xuyên tổ chức các lễ hội sinh động, náo nhiệt bên cạnh các nghi lễ trang trọng, uy nghiêm; một mặt để đánh thức mọi tiềm năng văn hóa, duy trì và trao truyền các giá trị văn hóa từ đời nọ đến đời kia, mặt khác, làm cho các lớp lang văn hóa từ khởi nguồn đến đương đại luôn luôn hòa trộn một cách tự nhiên (nhiều khi đến rắc rối, phức tạp, biến hóa), tạo ra sức mạnh văn hóa tổng lực, phục vụ trực tiếp nhu cầu đời sống xã hội, hiện tại cũng như lâu dài. Và cố nhiên, ẩn chứa trong đó còn là vô vàn những hành vi thực hành tín ngưỡng, những tục hèm (từ phạm vi gia đình, dòng họ đến làng/bản) mang bản sắc riêng của từng vùng đất, tùy theo nhận thức cùng lý tưởng thẩm mỹ của người dân sở tại. Cũng chính từ không gian văn hóa tín ngưỡng mang vị thế trung tâm là Phong Châu - Phú Thọ, nhờ những giá trị văn hóa với những bản sắc độc đáo của nó, tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng đã theo tầm lịch sử, lan tỏa tới nhiều miền, vùng trong cả nước, kết tinh thành nguồn vốn văn hóa mang đặc trưng văn hóa tâm linh Việt Nam.

Việc đối sánh một cách sơ lược trên đây, một mặt để thấy được nét độc đáo mang tính bản sắc của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; mặt khác, cho thấy, từ những hình thức và tâm thức thờ phụng độc đáo này, tất đã hàm chứa trong đó những giá trị mang tính phương tiện (instrumental values), tạo ra những yếu tố/thành tố văn hóa nội sinh bền vững, trở thành hệ giá trị cốt lõi cho sự vận động và phát triển của lịch sử văn hóa Việt Nam.

Xuất phát từ đó, có thể thấy rằng, ngay từ khởi nguồn, những tín ngưỡng sơ khai thờ cúng các vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại các vua Hùng, đã bắt nguồn từ tục thờ cúng tổ tiên của cư dân Việt - Mường, thể hiện sự nối kết tâm thức tri ân lớp người khai sáng cho gia đình, dòng tộc và cao hơn cả là tri ân những người có công khai phá, tạo lập cộng đồng, vượt qua mọi thử thách của tự nhiên khắc nghiệt và các thế lực ngoại xâm, đặt nền móng cho sự liên kết sức mạnh cộng đồng, vươn tới đỉnh cao là ý thức tự hào và tâm nguyện cùng cố - bảo vệ một quốc gia, một dân tộc. Trải qua tiến trình vận động, biến đổi của lịch sử, nhận thức về lịch sử, về vị thế của đất - nước, nơi tụ cư của cộng đồng, dần dần được nâng cao. Những bài học về sự thành - bại, được - mất trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội đã là những cơ sở cốt lõi giúp cho cộng đồng đúc kết nên những kinh nghiệm - chuẩn mực sinh tồn, gìn giữ và khai thác những yếu tố đặc dụng và loại trừ những thành tố khả biến ngáng trở, đặng phục vụ hữu ích cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng trước mọi nguy cơ, thách thức của lịch sử.

Và như vậy, ngay từ những niên kỷ đầu tiên sau thời đại các vua Hùng, tín ngưỡng tri ân, tôn vinh các thế hệ tiền nhân được thể hiện qua những thực hành nghi lễ, lễ hội trong nhiều cộng đồng làng/xóm đã xác lập

và tô đậm thành thói quen những hoạt động đời thường, theo những chuẩn mực văn hóa - xã hội được cộng đồng chấp thuận, duy trì, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nhìn trong phạm vi gia đình và dòng họ huyết thống, đó là những chuẩn mực quan hệ ngày một bền chặt theo chế độ phụ hệ cùng sự liên minh mang tính huyết thống. Không phải ngẫu nhiên mà, các vua Hùng một khi được thờ phụng tại từng gia đình, từng dòng họ luôn được tôn cao ở vị thế của *Đức Vua Cha*, cho dù có mở rộng đến phạm vi cộng đồng làng/xóm với vị thế thành hoàng, hoặc lan tỏa vào sinh hoạt tâm linh các dân tộc khác trên con đường chinh phục - thu nạp để hình thành - mở rộng cộng đồng quốc gia đa dân tộc, chung quy vẫn là biểu tượng mang tính khái quát cho chuẩn mực đạo đức - luân lý, và cao hơn cả là đạo lý, cần được tuân thủ và thực thi trong mọi hình thức tế lễ cùng sinh hoạt thường nhật.

Lần trở về cội nguồn, có thể phác qua đôi nét về ý niệm gia đình ra đời trên nền tảng văn hoá thời dựng nước. Vén lên bức sương mù huyền thoại, bóng dáng của một xã hội tiền Văn Lang được gắn với một hệ thống truyền thuyết kỳ ảo nhưng rất đặc biệt của người Việt ta thưở sơ khai từ thời các vua Hùng (2). Câu chuyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ và sinh ra cái bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con trai và sau đó là cuộc phân ly để năm mươi người con lên rừng và năm mươi người con xuống biển chính là bóng dáng của lịch sử những tháng năm con người có nhu cầu mở mang địa bàn sinh sống với một thứ quan hệ huyết thống, có vai trò tạo ra cơ sở cho sự cố kết cộng đồng. Lòng tự hào về nòi giống con Rồng cháu Tiên và ý nghĩa của hai tiếng "đồng bào" (sinh cùng một bọc) đã là cội nguồn giữ gìn và bảo vệ mỗi đoàn kết cho đại gia đình các dân tộc Việt Nam sau này. Khái niệm Bó Rồng - Mẹ Tiên trong huyền sử thời Hồng Bàng như đánh dấu sự xuất hiện đáng đáp

của một gia đình hạt nhân từ viễn cổ, thời điểm xác lập chế độ phụ hệ (phân chia thành các tổ chức sống theo nhóm, theo khu vực với sự đề cao vai trò của người đàn ông trong quá trình mở mang khai nghiệp từ vùng đất cao xuống châu thổ phù sa dọc các triền sông và ven biển). Và từ đây, những nghi lễ sinh hoạt (cưới xin, ma chay,...) cũng dần phù hợp với sự phát triển của điều kiện kinh tế ở một trình độ nhất định (vua Hùng kén rể), cùng những sinh hoạt văn hoá của các gia đình sơ khai trong cùng cộng đồng thời dựng nước (nhảy múa mừng chiến thắng, mô phỏng các cuộc khai phá, diệt ác thú, chống kẻ thù,...) (3).

Đội từ huyền thoại vào các di vật văn hoá được đào lên từ lòng đất, chúng ta lại có những cứ liệu khoa học chắc chắn để khẳng định bóng dáng của lịch sử, *cái lõi của sự thật lịch sử* - (Phạm Văn Đồng) được ảnh xạ trong truyền thuyết là có thật. Đó là mối tương đồng về mặt thời gian giữa hệ thống truyện Hồng Bàng - Vua Hùng với các di vật khảo cổ học từ Phùng Nguyên - Đông Đậu - Gò Mun đến văn hoá Đông Sơn rực rỡ (4).

Giai đoạn văn hoá Đông Sơn (được coi như bệ đỡ về văn hóa vật thể cho thời đại các vua Hùng) là biểu hiện sự phát triển rực rỡ của quá trình khai phá và mở mang bờ cõi, đưa xã hội lên tầm cao của nền văn minh sông Hồng trong thời gian từ khoảng thế kỷ VIII - VII trước CN, cho đến hết thế kỷ III sau CN. Với hàng vạn di vật được tìm thấy (đa số là đồ đồng), nổi bật lên là hệ thống trống đồng đã là minh chứng cho những bước phát triển vượt bậc của xã hội. Chế độ *công xã thị tộc* đã nhường bước cho *công xã nông thôn* với sự xuất hiện của các *kẻ, chạ* (có nghĩa như làng xóm ngày nay). Từ cấu trúc gia đình và quan hệ nghề nghiệp, có thể đoán định: Các gia đình riêng lẻ đã tạo ra được nề nếp làm ăn (theo nhóm

nghe nghiệp) với các quy tắc phải tuân thủ và các nề nếp trong quan hệ láng giềng để thắt chặt và bảo vệ, đoàn kết cộng đồng trên cơ sở lấy trực quan hệ huyết thống làm rường cột. Đây chính là những biểu hiện sớm nhất, có tính cội nguồn bản địa cho một kiểu "gia phong" của các gia đình trong cộng đồng người Việt buổi đầu dựng nước và giữ nước. Căn cứ trên cứ liệu khảo cổ, dân tộc học và văn chương dân gian, có thể phác qua những nét "gia phong" dường như đã được phôi thai và dần định hình từ thời đại Hùng Vương, để rồi, tạo đà khởi nguồn cho những chuẩn mực mang giá trị đạo đức, có ý nghĩa giáo dục, quy tụ, điều chỉnh và vận hành cho mọi hành vi của các thế hệ hậu sinh, trong những cộng đồng làng/bản nhất định. Đó là:

- Giáo dục con cái cần cù, chịu khó lao động.

- Nhắc nhở con cháu học nghề, giữ nghề và luyện tay nghề.

- Động viên con cháu hy sinh vì cộng đồng, tham gia đánh giặc ngoại xâm.

- Quý trọng láng giềng, đoàn kết với người cùng cảnh ngộ.

- Giữ dòng máu huyết thống của Bô Rồng - Mẹ Tiên.

- Có thứ bậc trong gia đình, cần coi trọng và tuân theo luật lệ đặt ra.

- Tuân theo khối đoàn kết thống nhất của cộng đồng xã hội trong quá trình khai phá đất đai canh tác, làm thủy lợi, chống lũ lụt và chống ngoại xâm (Sơn Tinh, Thánh Gióng,...)

- Giữ trọn tình yêu thương bố mẹ, tình nghĩa anh em, xóm làng,...

Từ những cứ liệu khoa học chính xác, đích thực (khảo cổ học) cùng các cứ liệu phong tục, nghi lễ (dân tộc học) và văn

chương dân gian, nảy sinh từ thời đại vua Hùng (hoặc phản ánh về thời đại đó), đã cho phép chúng ta nhận diện bước đầu: *Gia đình các thế hệ người Việt Mường thời các vua Hùng được hình thành và tồn tại trong một không gian văn hoá đặc sắc là trung du và châu thổ Bắc Bộ, qua thử thách và va đập với các mối quan hệ tự nhiên - xã hội, đã dần định hình được một nếp sống và phong cách sống tương ứng, phù hợp để tồn tại và phát triển.* Những phẩm chất văn hoá qua lối sống đó trong lịch sử đã tạo ra những chuẩn mực văn hóa sơ khai cho nét tính cách của người Việt cổ xưa, biết thính nhạy trong mọi ứng xử quan hệ để vươn lên cùng tồn tại. Điều đó, theo nhìn nhận của lớp người đương đại, là *cốt lõi bản địa của một thứ "gia phong" sâu rễ bền gốc*, đóng vai trò vô cùng quan trọng cho sự tồn tại của gia đình người Việt thuở ban đầu dựng nước và giữ nước, *hình thành nên những nét truyền thống quý báu, định hình như những hệ thống giá trị văn hóa bền vững*, được truyền lại cho đời sau học tập, gìn giữ, noi theo. Minh giải bởi sắc thái "gia phong" được xác lập như những chuẩn mực mang giá trị văn hóa có cội rễ từ rất sớm này, chúng ta mới có thể góp phần lý giải cho hàng nghìn năm lịch sử về sau, *người Việt vẫn giữ được nếp sống bản địa mang giá trị đạo đức với sắc thái riêng của mình, chống mọi tư tưởng đồng hoá và thống trị về văn hoá của các thế lực ngoại xâm phương Bắc và phương Tây* (5).

Và như vậy, nếu như đặc trưng của nền văn hóa Việt lúa nước là văn hóa làng, thì tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã xác lập được giá trị khâu nối, liên kết sức sống của văn hóa làng trong không gian văn hóa cộng đồng quốc gia đa dân tộc, trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Giá trị liên kết cộng đồng đó đã là hạt nhân tạo ra sức mạnh cho khối đại đoàn kết dân tộc xuyên suốt chiều dài lịch sử, được các triều

đại quân chủ phong kiến khai thác, tô đắp và nâng cao thành các thiết chế văn hóa - chính trị, trở thành sợi dây thiêng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc để tạo ra giá trị đạo đức chung cho ý thức cộng đồng và tinh thần đoàn kết bền vững mang bản sắc Việt Nam./.

B.Q.T

1. Từ cuối những năm 60 đến đầu những năm 70, thế kỷ XX, trải qua quá trình nghiên cứu toàn diện về thời đại Hùng Vương, kết quả nghiên cứu đã phản ánh sự nhất trí của giới khoa học liên ngành về thời đại lịch sử khởi nguồn này. Bộ Kỹ yếu *Hùng Vương dựng nước* (4 tập) tập hợp các báo cáo và tham luận khoa học, đã ghi nhận những thành tựu nhất định, góp phần quan trọng khẳng định sự tồn tại thời đại Hùng Vương trong lịch sử. Tham khảo thêm: Văn Tân, Nguyễn Linh,

Lê Văn Lan, Nguyễn Đông Chi, Hoàng Hưng, *Thời đại Hùng Vương*, tái bản năm 2007, Nxb. Văn học, tr. 28-39.

2. Nguyễn Khắc Xương, Lê Tượng, Nguyễn Lộc và Bùi Quang Thanh (1981), *Truyền thuyết Hùng Vương*, Hội Văn học Nghệ thuật Vĩnh Phú.

3. Tham khảo phần thứ tư: “Đời sống văn hóa” (do Lê Văn Lan viết) trong sách *Thời đại Hùng Vương* (2007), sđd, tr. 171-235.

4. Lê Văn Lan và Phạm Văn Kinh, “Di tích khảo cổ trên đất Phong Châu và địa bàn gốc của các vua Hùng”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 107.

5. Xin tham khảo thêm: Bùi Quang Thanh (2008), “Gia phong và vai trò của gia phong trong giáo dục gia đình Việt Nam”, trong *Văn hóa dân gian Việt Nam, một cách tiếp cận*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Bùi Quang Thanh: *Beliefs of worshipping Hùng King, the origin of the moral values and social cohesion*

Research works on Hung Vuong age in the 60-70s of the last century has shown that in the initial years after Hung Kings era, the belief of gratitude and honor of the ancestors was reflected in ritual practices, festivals in village communities and strengthened. It became the daily habit and were approved, recognized, maintained by the community, from generation after generation as socio-cultural norms.

From the family and clan perspective, it is seen the standards of relationship which is strengthened increasingly by the patriarchy and blood alliances. From the cultural perspective, the religious activities of worshipping Hung Kings as well as the legendary figures of this era practiced in families and clans, are generalized symbols of ethic - moral standards and morality. They becomes a traditional routine that is observed and enforced in all forms of rituals and daily activities, bearing national identity in the historical process of building and defending the country.

Keywords: Belief, Hùng Kings, community, morality, values.